

Bản án số: 37/2026/HSST  
Ngày 25 - 6 - 2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thiều Phước An

Ông Đinh Hoàng Vũ

**- Thư ký phiên toà:** Bà Huỳnh Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2026/HSST, ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2026/QĐST - HS, ngày 04 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

1. **Trần Vũ B**, sinh ngày 30/10/2006; tại A, tỉnh An Giang; Số định danh cá nhân: 091206016386; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp C, xã A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thừa C và bà Lê Thị C1; Tiền sự, Tiền án: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 06/3/2026. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. **Người bị hại:** Anh Huỳnh Văn N - sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn D - sinh ngày 06/6/2008; địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của anh D:* Ông Nguyễn Văn D1 (cha ruột) - sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp Hỏ

+a Vàm, xã Vĩnh Hòa, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.2. Chị Lưu Ngọc T - sinh ngày 12/01/2010; địa chỉ: ấp K, xã A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của chị T:* Ông Lưu Văn G (cha ruột) - sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp K, xã A, tỉnh An Giang (có mặt).

3.3. Anh Trần Quốc P - sinh năm: 2003; địa chỉ: ấp Ngọc Hiền, xã Đông

Hung, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.4. Anh Huỳnh Thanh G1 - sinh năm: 1994; địa chỉ: Đường V, khu phố B P, phường H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 09 giờ ngày 15/11/2025 Nguyễn Văn D sinh ngày 06/06/2008, cư trú ấp H, xã V, tỉnh An Giang cùng Lưu Ngọc T sinh ngày 12/01/2010 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68T1-191.30 đi đến khu vực xã G với mục đích tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp. Khi đến đoạn đường thuộc ấp P, xã G, tỉnh An Giang, D phát hiện có 01 xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc, biển kiểm soát 68E1-499.90, đang để trước hàng rào, trên xe có gắn chìa khóa, D hỏi T “xe kia, có chìa khóa kìa mà y lấy không” T nói để tao xuống lấy. Lúc này, T xuống xe, nhìn xung quanh không thấy ai liền lén lút trộm cắp 01 xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc, biển kiểm soát 68E1-499.90 của anh Huỳnh Văn N. Khi thấy T trộm được xe, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68T1-191.30 đi trước, còn T điều khiển xe vừa trộm được chạy theo sau, cả hai cùng đi về hướng Tổng Quản. Trên đường đi, D kêu T tháo biển số xe bỏ vào cốp xe nhằm tránh bị phát hiện. T dừng xe tháo rời biển số xe 68E1-499.90 và ném đi. Sau đó, D và T cùng bàn bạc tìm nơi tiêu thụ tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cùng ngày, Nguyễn Văn D liên hệ qua Messenger với Trần Vũ B; cư trú ấp C, xã A, tỉnh An Giang để hỏi bán xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc vừa trộm. B kêu Dũng gửi hình chiếc xe, Dũng chụp hình chiếc xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc vừa trộm được gửi cho B xem và đề nghị bán với giá 4.000.000 đồng. B hỏi nguồn gốc và giấy tờ xe thì D trả lời xe của T và không có giấy tờ. Do không có tiền mua, B đã liên hệ với Trần Quốc P qua mạng xã hội M hỏi Phòng có mua xe không. Phòng kêu B gửi hình xe, P hỏi nguồn gốc xe thì B cam đoan là xe chính chủ, P đồng ý mua với giá 6.000.000 đồng. B biết giá Phòng mua xe 6.000.000 đồng, B lời được 2.000.000 đồng nên B đồng ý mua xe và kêu D chạy xe qua nhà B. Sau đó, D chạy xe biển kiểm soát 68T1-191.30, còn T chạy xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc vừa trộm được chạy qua nhà B. Khi đến nhà B, B lấy xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc rửa sạch rồi cùng D và T đi gặp Phòng để bán xe. Khi đi, B chở T và B hỏi T về nguồn gốc chiếc xe. T thừa nhận xe vừa trộm tại G. Nghe T nói xe có được là do trộm nên B đổi qua xe D đi chung với D để hỏi D về nguồn gốc chiếc xe, D thừa nhận xe kêu bán cho B là xe trộm mà có. Đến khi gặp P, P hỏi B về nguồn gốc xe, B vẫn cam đoan xe chính chủ và bán xe lại cho P với giá 6.000 000 đồng. B hưởng lợi cá nhân 2.000.000 đồng. Đối với D và T sau khi bán xe được 4.000.000 đồng đã cùng tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đến ngày 16/11/2025 Trần Quốc P bán xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc cho Huỳnh Thanh G1 với số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó, G1 bán xe trên

lại cho một người đàn ông không rõ tên địa chỉ với giá 10.500.000 đồng. Cùng ngày, Công an xã G mời Nguyễn Văn D và Trần Vũ B làm việc. Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Trần Vũ B thừa nhận hành vi biết tài sản do D trộm cắp mà có vẫn mua để hưởng lợi.

Trong quá trình điều tra Trần Quốc P và Huỳnh Thanh G1 mua xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc, không biết xe do Nguyễn Văn D trộm cắp mà có.

**Vật chứng thu giữ:**

Một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh dương, số IMEI 1: 863348053368519, số IMEI 2: 863348053368501, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại bị bể màn hình có nhiều đường nứt trên màn hình (điện thoại của Trần Vũ Bảo trao đổi mua bán xe với Nguyễn Văn D).

**Vật chứng không thu giữ được:**

- Một xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc và 01 biển kiểm soát 68E1-499.90. Một điện thoại di động hiệu REDMI (là điện thoại của Nguyễn Văn D trao đổi mua bán xe với Trần Vũ B).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 12/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản xã G, tỉnh An Giang kết luận tổng giá trị tài sản như sau:

Một xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc, biển kiểm soát 68E1-499.90, số khung: RLHJA3924LY050140, số máy: JA39E2053092, mang tên Huỳnh Văn N, địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang, xe mua vào tháng 01 năm 2021 thời điểm định giá tài sản vào tháng 11/2025 với giá: 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 49/CT- VKSKV5 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang đã truy tố bị cáo Trần Vũ B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Người bị hại cũng thống nhất kết quả định giá, hiện đã nhận đủ số tiền bồi thường của gia đình Nguyễn Văn D là 5.000.000 đồng, của gia đình Lưu Ngọc T bồi thường 5.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B, Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Vũ B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Về khâu trừ thu nhập: Do bị cáo B không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh dương, số IMEI 1: 863348053368519, số IMEI

2: 863348053368501, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại bị bể màn hình có nhiều đường nứt trên màn hình (điện thoại của Trần Vũ Bảo trao đổi mua bán xe với Nguyễn Văn D).

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận viện gia đình Nguyễn Văn D và gia đình Lưu Ngọc T đã thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho anh Huỳnh Văn N xong nên đề nghị miễn xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị miễn nộp.

Đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Bị cáo Trần Vũ B khai nhận: Bị cáo biết rất rõ chiếc xe Honda nhãn hiệu Wave @ màu đen bạc, biển kiểm soát 68E1- 499.90, số khung: RLHJA3924LY050140, số máy: JA39E2053092 do Nguyễn Văn D và Lưu Ngọc T lén lút lấy trộm bán cho bị cáo, bị cáo đã mua và tìm mối bán hưởng lợi với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) dùng để tiêu xài hết.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên Tòa cho thấy phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh A đã thu thập được. Tài sản theo kết quả định giá là 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Đối chiếu hành vi trên của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang truy tố bị cáo Trần Vũ B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo B là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây

hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản tính chây lười lao động, muốn hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm thể hiện tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội và cũng đảm bảo tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

{3.1} Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

{3.2} Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên, cũng xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ cho nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng mức án cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự; bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D. Khi phạm tội ở lứa tuổi chưa thành niên nên đã tách vụ án ra xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2025 vào ngày 29/5/2026.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Trần Quốc P và Huỳnh Thanh G1 mua xe lại của B. Tuy nhiên, lúc mua không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với P và G1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của Lưu Ngọc T thực hiện trộm cắp với Nguyễn Văn D. Tại thời điểm phạm tội T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh dương, số IMEI 1: 863348053368519, số IMEI 2: 863348053368501, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại bị bể màn hình có nhiều đường nứt trên màn hình (điện thoại của Trần V trao đổi mua bán xe với Nguyễn Văn D).

Buộc bị cáo B phải nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRISUS, màu xanh đen trắng, số máy: 5C6H035404, số khung: C6HOEY035381, mang tên Danh D2, địa chỉ: M, M, CT, KG, BKS: 68T1-191.30 đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng xe, xe đã thay đổi kết cấu xe và màu sơn xe, đã qua sử dụng (xe do bị can Nguyễn Văn D mua để sử dụng và làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản) đã được xử lý xong tại Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2026/HSST-QĐ, ngày 29/5/2026

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 37/QĐ-VKSKV5 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang).

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc gia đình anh Nguyễn Văn D, gia đình chị Lưu Ngọc T và ông Huỳnh Văn N đã thỏa thuận và bồi thường với nhau xong, ông N không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Buộc bị cáo B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.*

1. Tuyên bố bị cáo Trần Vũ B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an tỉnh A nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Trần Vũ B cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

2. Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc gia đình anh Nguyễn Văn D, gia đình chị Lưu Ngọc T và ông Huỳnh Văn N đã thỏa thuận và bồi thường với nhau xong, ông N không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

5. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh dương, số IMEI 1: 863348053368519, số IMEI 2: 863348053368501, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại bị bể màn hình có nhiều đường nứt trên màn hình (điện thoại của Trần Vũ Bảo trao đổi mua bán xe với Nguyễn Văn D).

Buộc bị cáo B phải nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRISUS, màu xanh đen trắng, số máy: 5C6H035404, số khung: C6HOEY035381, mang tên Danh D2, địa chỉ: M, M, CT, KG, BKS: 68T1-191.30 đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng xe, xe đã thay đổi kết cấu xe và màu sơn xe, đã qua sử dụng (xe do bị can Nguyễn Văn D mua để sử dụng và làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản) đã được xử lý xong tại Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2026/HSST-QĐ, ngày 29/5/2026

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 37/QĐ-VKSKV5 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang).

6. Về án phí: Bị cáo B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm); Những người có mặt được tính từ ngày tuyên án; Những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra;
- Phòng Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Chuyên**